

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:52/2026/HNGĐ - ST

Ngày 02/7/2026

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trung Hải
2. Bà Nguyễn Quỳnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4-Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa :
Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20/3/2026 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số:22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngân Thị M**, sinh năm 1980.

Số định danh cá nhân: ,,,

Địa chỉ: Thôn M, xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Vi Văn C**, sinh năm 1976.

Số định danh cá nhân: ,,,

Địa chỉ: Thôn M, xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Ngân Thị M trình bày: Chị và anh Vi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2000 tại Ủy

ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M, xã G, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng nhiều lần đánh đập, ngoài ra anh C còn đi ngoại tình không quan tâm gì đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Ngân Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn C. Về con chung: Chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C có 03 con chung là Vi Thị D, sinh ngày 10/8/2003, Vi Văn H, sinh ngày 09/6/2005, Vi Thị Hương T sinh ngày 19/10/2007, các con chung đều đã trưởng thành chị Ngân Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngân Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Vi Văn C không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2026 với Trưởng thôn Minh N, xã G thể hiện: Chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C có đăng ký kết hôn với nhau và chung sống tại thôn M, xã G, anh chị sống chung đến năm 2012 thì có mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Về con chung: có 03 con chung là Vi Thị D, sinh ngày 10/8/2003, Vi Văn H, sinh ngày 09/6/2005, Vi Thị Hương T sinh ngày 19/10/2007, hiện các cháu đã trưởng thành. Các giấy tờ của Tòa án nhờ Trưởng thôn chuyển cho anh Vi Văn C, đã được giao cho anh Vi Văn C và được anh C phản hồi lại là không xuống Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị Ngân Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân Thị M: Xử cho chị Ngân Thị M được ly hôn anh Vi Văn C; Về con chung: các con đã trưởng thành, nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí nguyên đơn chịu án phí, đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vi Văn C là bị đơn có nơi ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã G, tỉnh Lào Cai, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Vi Văn C vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Ngân Thị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngân Thị M trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị M cho rằng anh C nhiều lần đánh đập, không quan tâm chăm sóc gia đình và có quan hệ ngoại tình. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng chị M và anh C có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân của chị Ngân Thị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Ngân Thị M phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Ngân Thị M và anh Vi Văn C có 03 con chung là Vi Thị D, sinh ngày 10/8/2003, Vi Văn H, sinh ngày 09/6/2005, Vi Thị Hương T sinh ngày 19/10/2007, các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và không thuộc trường hợp cần được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị Ngân Thị M không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ngân Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngân Thị M được ly hôn anh Vi Văn C.
2. Về án phí: Chị Ngân Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai Ký hiệu BLTU/26E số 0001008 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị Ngân Thị M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh

